

Phụ lục I

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN¹
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN CẦN GIUỘC
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
PHƯỚC VĨNH ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: /BC-THCS Phước Vĩnh Đông, ngày tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG²

(Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư)

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có):

- Tên tiếng Việt: **Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh Đông**
- Tên bằng tiếng nước ngoài (*không có*).

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, công thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là công thông tin điện tử)

- Địa chỉ: Ấp Thạnh Trung, xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

- Điện thoại: 0272 3876496
- Thư điện tử: c2phuocvinhdongcg.longan@moet.edu.vn
- Trang thông tin điện tử: <http://thcsphuocvinhdongcg.edu.vn>.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

- Loại hình: Công lập
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Cần Giuộc

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Sứ mạng: Nhà trường tạo được môi trường giáo dục lành mạnh, nền nếp, kỷ cương; có chất lượng giáo dục ổn định; phát huy tiềm năng, tính sáng tạo và năng lực tư duy độc lập cho mỗi học sinh.

- Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Trung học cơ sở (THCS) Phước Vĩnh Đông duy trì, nâng chất về kiểm định chất lượng giáo dục và trường đạt chuẩn quốc gia; có môi trường giáo dục năng động, giáo viên và học sinh chủ động thể hiện được năng lực giảng dạy và học tập.

- Mục tiêu:

+ Phát triển giáo dục

Tạo chuyên biến căn bản về chất lượng giáo dục, hiệu quả đào tạo, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực cho xã hội; nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện;

Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng học sinh; đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản; xây dựng môi trường học tập mở, gắn với xây dựng xã hội học tập, đảm bảo các điều kiện hội nhập khu vực và quốc tế.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề;

Giúp học sinh nâng cao ý thức học tập, góp phần nâng cao tỉ lệ phổ cập giáo dục THCS;

Cơ sở vật chất nhà trường ngày càng hoàn thiện, môi trường học tập “*xanh-sạch-đẹp-an toàn-thân thiện*”.

Đảm bảo chế độ chính sách cho nhà giáo và học sinh giúp đội ngũ an tâm công tác, giúp học sinh có điều kiện học tập tốt hơn.

+ Phát triển đội ngũ

Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ chuyên môn; nâng cao ý thức tự học, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học.

+ Phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật

Cơ sở vật chất đạt chuẩn quy định, đảm bảo phục vụ việc dạy và học theo chương trình mới; thiết bị được mua sắm kịp thời, đủ số lượng, đảm bảo cho việc phục vụ giảng dạy.

+ Phát triển nguồn lực tài chính

Nhà trường sử dụng kinh phí hợp lý, đảm bảo cho việc sửa chữa bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị; tăng cường huy động nguồn tài trợ hợp pháp khác đầu tư cho giáo dục.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh Đông được thành lập theo quyết định số 1393/2001/QĐ.UB do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc ký ngày 29 tháng 8 năm 2001. Trường được tách ra từ trường cấp 1-2 Phước Vĩnh Đông.

Trường thuộc ấp Thạnh Trung, xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Năm học đầu tiên 2001-2002, khuôn viên trường còn hoang sơ, chưa có cây bóng mát, chưa có hàng rào khuôn viên, sân chơi hẹp, thấp và là sân đất do đó phần nào cũng ảnh hưởng đến việc vui chơi, học tập của học sinh; đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đa số trẻ, từ nhiều nơi đến công tác. Khi đó, Trường gồm 12 phòng trệt, được dùng làm phòng Ban giám hiệu, phòng giáo viên, thư viện, thiết bị và còn lại sử dụng cho việc giảng dạy. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học chưa đáp ứng yêu cầu, chưa có phòng chức năng; chất lượng dạy và học còn thấp so với các trường bạn.

Năm 2010, Trường được cấp trên đầu tư xây dựng thêm 12 phòng học, 1 khu vệ sinh phục vụ cho giáo viên và học sinh. Năm 2012, Trường được UBND huyện đầu tư xây dựng thêm hàng rào khuôn viên, 2 phòng chức năng, cải tạo 6 phòng học cũ đã xuống cấp.

Đến tháng 12 năm 2013, Trường được UBND tỉnh Long An quyết định công nhận đạt chuẩn quốc gia. Đến tháng 12 năm 2015, Trường được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Long An quyết định công nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1. Vào tháng 5 năm 2020, Trường THCS Phước Vĩnh Đông được kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chất lượng giáo dục mức độ 2, đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1.

Đến tháng 6 năm 2024, cơ sở vật chất đảm bảo cho việc giảng dạy và học tập; có đầy đủ các khối phòng được bố trí riêng biệt; hoạt động dạy và học đã thuận lợi hơn, phong trào thi đua được giáo viên tích cực hưởng ứng, chất lượng giáo dục toàn diện từng bước được cải thiện.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

- Họ và tên người đại diện pháp luật: Đặng Ngọc Hiếu

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ: Ấp Thạnh Trung, xã Phước Vĩnh Đông, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An

- Số điện thoại: 0918874405

- Địa chỉ thư điện tử: dnhieus@longan.gov.vn.

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Quyết định thành lập số 1393/2001/QĐ.UB do Chủ tịch UBND huyện Cần Giuộc ký ngày 29 tháng 08 năm 2001.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định công nhận hội đồng trường: Số 797/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2024 của UBND huyện Cần Giuộc Về việc kiện toàn Hội đồng Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh Đông nhiệm kỳ 2021 - 2025.

- Quyết định công nhận chủ tịch hội đồng trường: Số 1183/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2024 của UBND huyện Cần Giuộc Về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh Đông nhiệm kỳ 2021 – 2025.

- Danh sách thành viên hội đồng trường

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1.	Ông Đặng Ngọc Hiếu	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Bà Trần Thị Mười	Phó bí thư chi bộ	Thành viên
3.	Ông Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch công đoàn	Thành viên
4.	Bà Trần Thị Lệ Quyên	Bí thư chi đoàn	Thành viên
5.	Bà Nguyễn Thanh Thúy	Tổ trưởng chuyên môn	Thư ký
6.	Bà Nguyễn Thị Trường An	Tổ trưởng văn phòng	Thành viên
7.	Bà Đặng Thị Hải Yến	PCT UBND xã	Thành viên
8.	Bà Phạm Thị Mỹ Hạnh	Đại diện cha mẹ HS	Thành viên
9.	Em Trương Thị Hồng Lam	Đại diện học sinh	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục

- Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng: Số 3931/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Cần Giuộc về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý trường học.

- Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng: Số 5400/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2023 của UBND huyện Cần Giuộc về việc bổ nhiệm viên chức quản lý trường học.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- Quy chế tổ chức và hoạt động: Theo Quyết định số 343/QĐ-THCS ngày 03/7/2024 Về việc ban hành Quy chế làm việc của nhà trường, năm học 2024-2025.

Trường hạng 2, với tổng số 26 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (trong đó: 02 CBQL; 19 GV; 3 NV; 2 hợp đồng lao động theo NĐ 111);

Chi bộ Đảng với 13 đảng viên, thuộc Đảng bộ xã Phước Vĩnh Đông;

Công đoàn có 26 công đoàn viên là CĐCS trực thuộc LĐLĐ huyện Cần Giuộc;

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: đoàn viên giáo viên: 05, đoàn viên học sinh: 00; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh: 429.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường THCS Phước Vĩnh Đông chịu sự quản lý nhà nước của UBND huyện Cần Giuộc, đồng thời chịu sự quản lý về chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc.

Trường THCS Phước Vĩnh Đông thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quyền hạn theo Điều lệ Trường và các quy định pháp luật có liên quan; có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

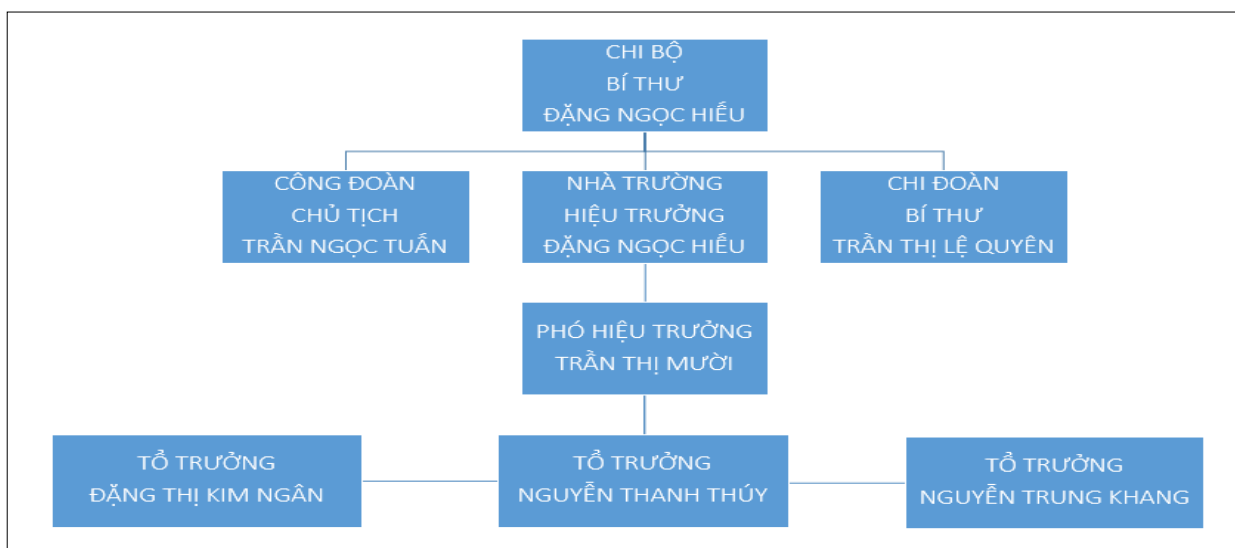
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật; quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy



đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có)/*Không có*

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có)/*Không có*

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục: Kế hoạch số 27/KH-THCS.PVĐ, ngày 27/6/2020 về phát triển giáo dục và đào tạo năm 2021 và kế hoạch 05 năm 2021-2025.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở: Số 398/QĐ-THCS ngày 14 tháng 10 năm 2023 Về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường từ năm học 2023-2024.

- Các nghị quyết của hội đồng trường: Nghị quyết số 02/ ngày 24/10/2022 về Quy chế hoạt động của Hội đồng trường THCS Phước Vĩnh Đông nhiệm kỳ 2021-2025

- Quy định về quản lý hành chính: Quyết định số 190/QĐ-THCS ngày 09/4/2024 Về việc Ban hành Quy chế công tác Văn thư, lưu trữ.

- Quy định về quản lý nhân sự: Đề án số 484/ĐA-THCS ngày 16/11/2023 về Đề án vị trí việc làm Trường Trung học cơ sở Phước Vĩnh Đông, thuộc huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Quy định về quản lý tài chính: Phương án 477/PA-THCS ngày 14/11/2023 Về tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục: Quyết định số 146/QĐ-THCS ngày 18/4/2023 Về việc ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức Trường THCS Phước Vĩnh Đông.

- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có)/*Không có*

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

(Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư, đối sánh số liệu với năm trước liền kề)

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

Số lượng giáo viên: 19; cán bộ quản lý: 2; nhân viên: 5 (trong đó có 2 nhân viên theo hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP).

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo	Ghi chú

				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1				1		
Phó hiệu trưởng	1	1			1		
Giáo viên	19	11			19		
Cộng	21	11	0	0	21	0	

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

(Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề)

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

b) Toàn trường có 12 phòng học; 05 phòng chức năng, phục vụ học tập.

01 phòng Hóa học, 01 phòng Sinh học, 01 phòng Vật lý, 01 phòng Ngoại ngữ, 01 phòng Tin học, 02 bảng tương tác; 01 phòng Thư viện, 01 phòng Y tế, 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó hiệu trưởng, 01 phòng thiết bị, 01 phòng Truyền thống, 01 phòng họp, 03 phòng Bộ môn.

c) Số thiết bị dạy học hiện có lớp 6 có 10 bộ, lớp 7 có 05 bộ, lớp 8 có 05 bộ, lớp 9 có 06 bộ; phòng Vật lý 06 bộ; phòng Hóa học có 05 bộ, phòng Sinh học 05 bộ, phòng Công nghệ 07 bộ, phòng Tin học có 45 bộ máy

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

(Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề)

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục 2023-2024

- Có 16/28 tiêu chí được duy trì ở mức độ 2;

- Có 09/28 tiêu chí được duy trì ở mức độ 3;

- Có 02/28 tiêu chí được cải tiến từ mức 2 lên mức 3 (Tiêu chí 2.1: Hiệu trưởng có ít nhất 01 năm được đánh giá xuất sắc. Tiêu chí 3.1: Diện tích khu sân chơi đã đạt 25% diện tích so với tổng diện tích nhà trường).

+ Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá (có Kế hoạch kèm theo).

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm

Trường đạt chất lượng giáo dục mức 2 và chuẩn quốc gia mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

(Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề)

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh vào lớp 6: 135 học sinh.

Tổng số học sinh theo từng khối: khối 6:132 học sinh; khối 7: 111 học sinh; khối 8: 94 học sinh; khối 9: 124 học sinh.

Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: khối 6: 44 học sinh/lớp; khối 7: 37 học sinh/lớp; khối 8: 47 học sinh/lớp; khối 9:41,3 học sinh/lớp.

Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày: 00 học sinh.

Số lượng học sinh nam: 248 học sinh; số lượng học sinh nữ 212 học sinh.

Học sinh là người dân tộc kinh 457 học sinh; học sinh là người dân tộc khác 03 học sinh; học sinh là người dân tộc thiểu số: 00 học sinh.

Học sinh khuyết tật: 00 học sinh.

Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường: Số lượng học sinh chuyển đi: 08 học sinh; số lượng học sinh chuyển đến 01 học sinh.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo;

Khối	Số lượng HS	Nữ	Kết quả học lực/ học tập										Kết quả / hạnh kiểm, rèn luyện								Số lượng HS bỏ học			
			Giỏi/Tốt		Khá		Trung bình/Đạt		Yếu/Chưa đạt		Kém		Tốt		Khá		Trung bình/Đạt		Yếu/Chưa đạt		S	N		
			S	N	S	N	S	N	S	N	S	N	S	N	S	N	S	N	S	N				
6	132	66	54	37	53	23	24	5	1	1	0	0	13	1	65	1	1	0	0	0	0	0	0	0
7	111	47	49	30	39	11	23	6	0	0	0	0	10	6	47	5	0	0	0	0	0	0	0	0
8	94	43	40	28	31	11	23	4	0	0	0	0	82	42	12	1	0	0	0	0	0	0	0	0
9	124	57	82	50	32	6	10	1	0	0	0	0	11	5	56	9	1	0	0	0	0	0	0	0

Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

Khối	Số lượng HS	Được lên lớp	Không được lên lớp
6	132	131	1

7	111	111	0
8	94	94	0

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 124 học sinh.

Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp 42 học sinh.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

(Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư, đối sánh số liệu với năm trước liền kề)

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

Ngân sách nhà nước cấp năm 2023: 6.091.771.000

Ngân sách nhà nước cấp năm 2024: 4.430.180.000

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác. Năm 2023: 4.075.977.331, năm 2024 đến tháng 6: 2.210.139.723

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học. năm 2023: 1.404.736.000, năm 2024: chưa chi,

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

(Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành).

Nơi nhận:

- Công khai trên Website trường;
- Lưu: VT, Hồ sơ công khai.

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Ngọc Hiếu

